

Số: 651/QĐTN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho học sinh khóa tuyển sinh năm 2013,
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20-03-2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01-12-2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo);

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-HC ngày 24/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm “Về việc thành lập Hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp ngành Sư phạm Mầm non, bậc Trung cấp, hệ Vừa làm vừa học, khóa thi ngày 29, 30/8/2015 tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN”;

Căn cứ biên bản xét công nhận tốt nghiệp ngày 26/9/2015 của hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cho 294 (hai trăm chín tư) học sinh, ngành Sư phạm Mầm non.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Tổ chức- Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 651/QĐTN ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./.- ngày .././..
1	Phạm Châu Thúy Ái	16/09/1994	6,9	Trung bình khá	1/466 - ngày 03/10/2013
2	Trần Thị Ân	05/06/1995	6,8	Trung bình khá	3
3	Nguyễn Thị Kim Anh	12/03/1995	7,4	Khá	10
4	Trần Hoàng Anh	14/03/1992	7,7	Khá	9
5	Trần Thị Ngọc Anh	19/06/1994	6,9	Trung bình khá	12
6	Nguyễn Thị Bằng	28/02/1994	6,9	Trung bình khá	18
7	Nguyễn Thị Ngọc Bích	14/11/1995	6,7	Trung bình khá	20
8	Nguyễn Thị Ngọc Bích	29/08/1995	7,4	Khá	19
9	Đặng Thị Thanh Bình	10/11/1994	6,9	Trung bình khá	26
10	Nguyễn Thị Bình	12/11/1995	6,7	Trung bình khá	25
11	Lê Thị Bông	25/01/1991	7,2	Khá	27
12	Lê Thị Mộng Cẩm	18/12/1993	7,1	Khá	28
13	Trần Thị Cẩm Châu	28/11/1994	7,2	Khá	32
14	Võ Thị Diễm Chi	10/04/1993	7,2	Khá	40
15	Trần Thị Bích Chi	10/07/1972	6,9	Trung bình khá	36
16	Võ Thị Kim Chi	08/07/1994	7,4	Khá	39
17	Lê Thị Kim Chi	04/07/1992	7,4	Khá	37
18	Phạm Thị Cúc	28/04/1993	6,9	Trung bình khá	43
19	Đinh Thị Ngọc Dân	08/11/1994	7,1	Khá	46
20	Trần Thị Hoài Diễm	18/11/1995	7,2	Khá	51
21	Nguyễn Thị Diệp	24/08/1995	6,7	Trung bình khá	54
22	Nguyễn Thị Diệu	14/01/1995	7,3	Khá	62
23	Trần Thị Thanh Diệu	09/08/1995	7,2	Khá	63
24	Đinh Thị Diệu	06/01/1993	7,3	Khá	58
25	Hồ Thị Kim Xuân Diệu	27/11/1994	6,7	Trung bình khá	59
26	Đinh Thị Diệu	27/09/1995	6,7	Trung bình khá	56
27	Lê Thị Dung	11/02/1994	7,0	Khá	75
28	Đinh Thị Tiên Dung	27/01/1994	7,2	Khá	74
29	Trần Thị Mỹ Dung	15/11/1995	7,3	Khá	68
30	Ngô Thị Dung	23/07/1988	7,8	Khá	72
31	Trần Thị Kim Dung	10/11/1995	7,8	Khá	66
32	Võ Thị Hường Dương	20/02/1994	7,0	Khá	80
33	Phan Thị Linh Duyên	02/12/1994	7,7	Khá	97
34	Huỳnh Mỹ Duyên	15/01/1993	7,2	Khá	94
35	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/07/1990	6,9	Trung bình khá	84
36	Trần Thị Mỹ Duyên	18/04/1995	6,9	Trung bình khá	89
37	Lê Thị Mỹ Duyên	14/06/1995	7,3	Khá	93
38	Mai Thị Anh Đào	19/05/1995	7,0	Khá	98

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số ./.- ngày ./../..
39	Ngô Thị Hoàng Gia	26/10/1993	7,2	Khá	106
40	Nguyễn Thị Hương Giang	04/02/1995	6,7	Trung bình khá	107
41	Ngô Thị Mỹ Giang	22/11/1994	6,7	Trung bình khá	108
42	Trần Thị Hồng Hà	15/08/1993	8,0	Giỏi	122
43	Nguyễn Thị Thanh Hà	03/06/1995	6,8	Trung bình khá	114
44	Lê Thị Hà	14/04/1991	7,2	Khá	119
45	Nguyễn Thị Thu Hà	03/03/1994	6,7	Trung bình khá	117
46	Nguyễn Thị Hân	13/08/1995	6,7	Trung bình khá	125
47	Trương Thị Thu Hằng	10/01/1995	6,9	Trung bình khá	134
48	Trịnh Thị Hằng	08/09/1993	6,8	Trung bình khá	131
49	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/12/1995	7,4	Khá	127
50	Võ Thị Thanh Hằng	04/07/1994	7,0	Khá	128
51	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/10/1994	7,3	Khá	148
52	Nguyễn Thị Hạnh	28/11/1995	7,0	Khá	150
53	Nguyễn Thị Bích Hạnh	24/09/1995	7,2	Khá	152
54	Văn Thị Hạnh	21/10/1995	7,5	Khá	153
55	Bùi Thị Hạnh	20/08/1992	7,3	Khá	143
56	Đông Thị Mỹ Hạnh	13/03/1989	7,4	Khá	141
57	Lê Thị Hậu	15/06/1995	7,5	Khá	157
58	Võ Hồng Hậu	12/02/1995	7,4	Khá	156
59	Nguyễn Dương Kim Hậu	02/04/1995	7,2	Khá	158
60	Lê Thị Thanh Hiền	21/04/1995	6,8	Trung bình khá	167
61	Trịnh Thanh Hiền	15/10/1994	6,7	Trung bình khá	168
62	Ngô Thị Thu Hiền	10/03/1994	7,1	Khá	164
63	Trần Thị Hoa	17/02/1988	7,3	Khá	174
64	Lê Thị Minh Hòa	02/08/1995	6,8	Trung bình khá	178
65	Hoàng Thị Thu Hoài	20/08/1993	7,4	Khá	181
66	Phan Thị Hoàn	15/07/1995	7,3	Khá	182
67	Nguyễn Thị Hoàng	18/12/1995	7,8	Khá	183
68	Phan Thị Hối	02/10/1995	7,5	Khá	184
69	Lê Thị Hồng	18/09/1995	7,4	Khá	185
70	Huỳnh Thị Hồng	14/04/1995	7,5	Khá	192
71	Nguyễn Thị Hồng	28/01/1994	7,4	Khá	188
72	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	31/07/1994	7,7	Khá	197
73	Kiều Thị Huệ	09/08/1991	7,6	Khá	198
74	Trần Thị Huệ	21/12/1994	7,4	Khá	196
75	Trương Thị Hương	25/05/1995	7,9	Khá	206
76	Trần Thị Lan Hương	01/01/1992	7,0	Khá	203
77	Lê Thị Thu Hương	16/11/1994	7,1	Khá	201
78	Hồ Xuân Hương	28/08/1994	7,0	Khá	204
79	Võ Thị Thu Hường	19/01/1995	7,1	Khá	214
80	Trần Thị Huyền	27/10/1994	6,9	Trung bình khá	217

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./...- ngày ../../..
81	Phan Mỹ Khánh	01/01/1994	6,7	Trung bình khá	222
82	Nguyễn Thị Phương Kiều	11/11/1995	7,2	Khá	231
83	Trần Thị Kiều	02/02/1993	7,2	Khá	229
84	Trương Thị Lài	08/03/1994	7,5	Khá	239
85	Phùng Thị Lài	18/04/1995	7,3	Khá	236
86	Trần Thị Lài	20/06/1994	7,3	Khá	240
87	Huỳnh Thị Lài	13/09/1992	7,7	Khá	238
88	Nguyễn Thị Ngọc Lài	29/10/1995	7,2	Khá	237
89	Nguyễn Thị Lan	10/03/1995	7,9	Khá	248
90	Nguyễn Thị Phương Lan	17/02/1995	7,7	Khá	247
91	Nguyễn Thị Nhật Lan	24/11/1995	7,0	Khá	245
92	Phạm Thị Lan	03/05/1995	7,5	Khá	253
93	Lê Thị Lân	02/10/1994	7,5	Khá	254
94	Nguyễn Thị Hồng Lê	06/12/1989	8,0	Giỏi	261
95	Hà Thị Lệ	12/08/1995	7,0	Khá	265
96	Huỳnh Thị Lệ	04/01/1995	7,3	Khá	263
97	Lê Thị Kim Lệ	24/05/1995	7,6	Khá	264
98	Lê Thị Thùy Liên	31/10/1994	7,3	Khá	268
99	Võ Thị Hồng Liên	02/11/1995	7,2	Khá	275
100	Hoàng Thị Liên	26/08/1994	7,5	Khá	271
101	Võ Thị Liên	18/04/1994	7,3	Khá	274
102	Trần Thị Thùy Liên	08/10/1995	6,6	Trung bình khá	269
103	Phan Thị Liễu	10/02/1995	7,3	Khá	277
104	Võ Thị Ngọc Linh	20/03/1995	7,1	Khá	286
105	Phan Thị Thùy Linh	14/09/1995	7,0	Khá	290
106	Nguyễn Thị Diệu Linh	23/02/1995	7,0	Khá	291
107	Phan Thị Thùy Linh	30/04/1995	8,3	Giỏi	294
108	Nguyễn Thị Viết Linh	02/09/1994	7,4	Khá	297
109	Trần Thị Mỹ Linh	13/06/1994	7,4	Khá	289
110	Trần Thị Bích Linh	27/05/1991	7,2	Khá	284
111	Nguyễn Thị Thanh Loan	07/08/1993	7,4	Khá	300
112	Võ Thị Luyến	20/09/1995	7,3	Khá	307
113	Lại Thị Luyến	10/07/1993	6,9	Trung bình khá	309
114	Bùi Thị Yên Ly	10/01/1994	6,8	Trung bình khá	315
115	Nguyễn Thị Thảo Ly	02/10/1995	7,5	Khá	319
116	Võ Thị Phương Ly	20/08/1995	6,6	Trung bình khá	317
117	Lê Thị Khánh Ly	01/11/1995	6,8	Trung bình khá	320
118	Nguyễn Thị Ly	19/05/1994	6,9	Trung bình khá	316
119	Ngô Thị Khánh Ly	02/06/1995	6,6	Trung bình khá	312
120	Ngô Thị Lý	02/09/1995	7,1	Khá	324
121	Mai Dương Hoa Lý	30/09/1993	7,1	Khá	326
122	Văn Thị Lý	16/06/1994	7,5	Khá	327

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./...- ngày ../../..
123	Phan Thụy Xuân Mai	05/07/1995	7,3	Khá	329
124	Đặng Tuyết Mai	31/07/1995	6,9	Trung bình khá	330
125	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/08/1994	6,9	Trung bình khá	331
126	Đặng Thị Trà Mi	04/07/1994	6,5	Trung bình khá	340
127	Nguyễn Thị Mơ	31/08/1994	6,6	Trung bình khá	342
128	Trần Thị Thu Mộng	08/04/1995	6,8	Trung bình khá	344
129	Phan Ngọc Liễu My	10/01/1985	7,5	Khá	356
130	Văn Thị Tô My	15/07/1994	6,8	Trung bình khá	347
131	Giang Thị Thảo My	11/07/1994	7,0	Khá	348
132	Tán Thị Như Mỹ	01/04/1995	7,2	Khá	359
133	Lê Thị Ngọc Mỹ	18/09/1994	6,6	Trung bình khá	361
134	Ngô Thị Mỹ	03/02/1995	7,3	Khá	357
135	Ngô Ý My	16/06/1995	7,4	Khá	355
136	Phạm Thị Ni Na	12/01/1995	7,0	Khá	365
137	Nguyễn Thị Bích Na	12/09/1995	7,1	Khá	372
138	Võ Thị Nga	10/12/1992	6,9	Trung bình khá	367
139	Nguyễn Thúy Nga	31/07/1994	7,0	Khá	369
140	Mai Thị Ngân	27/04/1995	6,9	Trung bình khá	383
141	Lê Thị Thùy Ngân	29/10/1995	7,4	Khá	389
142	Đào Thị Ngân	19/12/1995	7,5	Khá	388
143	Đoàn Thị Kim Ngân	30/11/1995	6,7	Trung bình khá	386
144	Lê Thị Ngân	18/02/1994	7,0	Khá	385
145	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16/08/1994	7,2	Khá	398
146	Phan Thị Bích Ngọc	16/02/1995	7,9	Khá	399
147	Trần Thị Bích Ngọc	05/11/1995	7,3	Khá	401
148	Nguyễn Thị Ngọc	26/02/1994	7,5	Khá	396
149	Ngô Thị Thùy Ngọc	08/03/1994	7,3	Khá	392
150	Hoàng Ngọc Thảo Nguyên	20/04/1992	6,8	Trung bình khá	402
151	Lâm Thị Tú Nguyên	21/08/1995	6,8	Trung bình khá	407
152	Hồ Thị Thảo Nguyên	29/09/1995	7,0	Khá	404
153	Trần Thị Mỹ Nguyên	15/10/1994	6,8	Trung bình khá	403
154	Hứa Đỗ Thanh Nguyệt	17/04/1995	7,3	Khá	410
155	Lê Thị Ánh Nguyệt	05/02/1995	7,5	Khá	411
156	Nguyễn Thị Phong Nhân	15/06/1995	7,7	Khá	412
157	Trần Lê Yên Nhi	07/05/1995	7,3	Khá	417
158	Lê Thị Yên Nhi	20/10/1994	7,1	Khá	424
159	Ngô Thị Nhi	08/07/1995	6,6	Trung bình khá	418
160	Lê Thị Yên Nhi	28/08/1995	6,9	Trung bình khá	425
161	Nguyễn Thị Nhi	10/05/1995	7,2	Khá	423
162	Nguyễn Thị Yên Nhi	15/11/1994	7,0	Khá	420
163	Võ Thị Tuyết Nhung	20/08/1994	7,2	Khá	434
164	Lê Thị Tuyết Nhung	20/03/1995	7,7	Khá	431

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./..- ngày ../../..
165	Đặng Thị Thùy Nhung	28/02/1995	7,6	Khá	433
166	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/05/1994	7,0	Khá	430
167	Tạ Thị Tuyết Nhung	28/11/1994	6,8	Trung bình khá	436
168	Trương Thị Hoàng Ni	01/11/1988	7,2	Khá	438
169	Lê Thị Nờ	12/06/1993	7,2	Khá	439
170	Huỳnh Thảo Ny	15/07/1995	7,2	Khá	441
171	Nguyễn Thị Hoàng Ny	31/03/1994	7,6	Khá	440
172	Phan Thị Kiều Oanh	15/05/1995	7,4	Khá	454
173	Phạm Hoàng Thúy Oanh	13/09/1995	7,1	Khá	457
174	Lê Nữ Kiều Oanh	19/10/1995	7,6	Khá	451
175	Trần Thị Tú Oanh	14/01/1995	7,5	Khá	446
176	Tổng Thị Phòng	15/04/1994	7,5	Khá	462
177	Châu Thị Phúc	07/08/1995	7,1	Khá	464
178	Lê Thị Phúc	02/02/1994	7,2	Khá	463
179	Huỳnh Thị Bé Phụng	19/11/1995	7,0	Khá	466
180	Phan Thị Hoàng Phước	10/12/1995	7,2	Khá	468
181	Bùi Thị Phước	08/11/1995	7,1	Khá	467
182	Ngô Thị Phương	01/01/1995	7,7	Khá	489
183	Nguyễn Mai Huyền Phương	06/02/1994	7,5	Khá	477
184	Nguyễn Hoàng Hoài Phương	01/02/1994	6,8	Trung bình khá	472
185	Nguyễn Thị Phương	26/07/1994	7,3	Khá	476
186	Ngô Thị Kim Phương	01/02/1994	7,2	Khá	478
187	Trần Thị Phương	11/01/1995	7,2	Khá	499
188	Vũ Hồng Phương	14/02/1994	7,0	Khá	498
189	Nguyễn Trần Hồng Phương	09/06/1994	7,1	Khá	501
190	Phạm Thị Ngọc Phương	04/02/1994	7,2	Khá	491
191	Hồ Thị Phương	05/01/1993	7,3	Khá	497
192	Võ Thị Kim Phương	29/01/1994	7,2	Khá	492
193	Hồ Ngọc Quy	16/05/1995	7,5	Khá	506
194	Hồ Thị Hồng Quý	09/10/1994	7,3	Khá	507
195	Nguyễn Thị Quyên	03/07/1995	7,1	Khá	512
196	Đỗ Thị Lệ Quyên	28/11/1995	7,0	Khá	509
197	Đỗ Thị Xuân Quỳnh	21/08/1995	7,3	Khá	520
198	Đinh Thị Như Quỳnh	26/12/1992	8,4	Giỏi	515
199	Đinh Thị Như Quỳnh	16/02/1995	7,3	Khá	519
200	Huỳnh Thị Phương Sa	23/08/1993	7,3	Khá	523
201	Tổng Thị Hoa Sim	16/02/1993	7,5	Khá	526
202	Trương Thị Thu Sương	21/05/1995	7,6	Khá	531
203	Lê Thị Sương	01/01/1995	7,0	Khá	529
204	Võ Thị Tâm	19/01/1995	7,5	Khá	543
205	Hồ Thị Minh Tâm	18/05/1995	7,3	Khá	537
206	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/10/1995	7,1	Khá	540

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./...- ngày .././..
207	Nguyễn Thị	Thà	16/01/1995	7,2	Khá	544
208	Trần Thị	Thắm	23/04/1995	7,5	Khá	547
209	Trịnh Thị	Thắm	28/09/1994	7,6	Khá	549
210	Lê Thị	Thắm	20/11/1995	7,6	Khá	546
211	Văn Thị Hồng	Thắm	05/01/1990	7,3	Khá	548
212	Hồ Thị Phương	Thanh	09/11/1995	7,3	Khá	553
213	Trịnh Cao Thanh	Thanh	22/12/1995	7,2	Khá	555
214	Phạm Thị Cẩm	Thanh	23/08/1995	7,3	Khá	554
215	Võ Thị Duy	Thanh	17/05/1995	7,3	Khá	551
216	Lê Thị Thanh	Thảo	22/11/1995	7,2	Khá	573
217	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	11/05/1994	6,8	Trung bình khá	594
218	Phạm Thị	Thảo	10/08/1995	6,9	Trung bình khá	588
219	Trần Thị Thanh	Thảo	28/03/1995	7,2	Khá	585
220	Ngô Thị Thu	Thảo	19/11/1993	7,1	Khá	580
221	Hồ Thị Phương	Thảo	01/06/1994	7,7	Khá	595
222	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	24/05/1994	7,2	Khá	578
223	Võ Thị Thu	Thảo	18/10/1994	6,7	Trung bình khá	571
224	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	27/08/1995	7,2	Khá	583
225	Lê Thị	Thảo	20/11/1995	6,7	Trung bình khá	576
226	Nguyễn Thị Thanh	Thiện	13/09/1995	7,5	Khá	600
227	Lương Thị Kim	Thoa	26/11/1991	7,8	Khá	604
228	Nguyễn Thị	Thoa	14/08/1994	7,7	Khá	605
229	Lê Thị Bảo	Thoa	25/03/1995	7,1	Khá	602
230	Lý Thị	Thu	16/01/1994	7,2	Khá	617
231	Trần Thị Lệ	Thu	26/01/1994	7,6	Khá	621
232	Nguyễn Thị	Thu	16/02/1994	6,7	Trung bình khá	609
233	Lê Thị Hoàng	Thư	11/01/1995	7,0	Khá	626
234	Nguyễn Đình Anh	Thư	29/11/1995	8,2	Giỏi	631
235	Hồ Trương Quỳnh	Thư	25/04/1994	7,6	Khá	623
236	Lê Thị Anh	Thư	19/01/1993	7,1	Khá	624
237	Phạm Thị	Thuận	10/10/1994	6,5	Trung bình khá	633
238	Võ Thị Bích	Thương	28/09/1992	7,7	Khá	639
239	Nguyễn Thị	Thương	05/03/1991	7,8	Khá	640
240	Bùi Thị Mai	Thúy	03/09/1995	7,4	Khá	645
241	Bùi Thị Quý	Thúy	10/10/1995	6,8	Trung bình khá	646
242	Nguyễn Thị	Thùy	15/08/1993	6,6	Trung bình khá	655
243	Trần Thị Thu	Thùy	09/02/1994	6,9	Trung bình khá	666
244	Hồ Thị Bích	Thùy	23/03/1995	7,3	Khá	665
245	Lê Thị	Thùy	18/07/1994	7,6	Khá	659
246	Nguyễn Thị Kim	Thuyền	22/11/1994	7,5	Khá	670
247	Nguyễn Thị Hồng	Thuyết	24/01/1993	7,2	Khá	672
248	Châu Hoài	Thy	26/08/1994	7,3	Khá	673

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./...- ngày .../.../...
249	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20/01/1995	7,3	Khá	675
250	Nguyễn Thị	Tinh	01/10/1992	7,1	Khá	682
251	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18/08/1995	7,6	Khá	692
252	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	22/02/1995	7,3	Khá	691
253	Trần Thị Hà	Trâm	01/10/1995	7,6	Khá	693
254	Lê Thị	Trang	30/05/1995	7,6	Khá	718
255	Đào Thị Xuân	Trang	28/10/1994	6,7	Trung bình khá	715
256	Phan Thị Quỳnh	Trang	20/08/1995	7,1	Khá	707
257	Đỗ Nhã	Trang	22/12/1989	7,1	Khá	701
258	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/02/1995	7,3	Khá	702
259	Ngô Thị	Trinh	10/07/1995	8,0	Giỏi	733
260	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	01/01/1995	7,1	Khá	729
261	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	22/09/1993	7,1	Khá	725
262	Trần Thị Uyên	Trinh	07/10/1994	7,5	Khá	730
263	Lưu Thị	Trinh	26/01/1995	6,6	Trung bình khá	721
264	Nguyễn Thị	Tuyển	17/12/1995	7,4	Khá	745
265	Lê Thị	Tuyển	12/06/1995	7,4	Khá	744
266	Phạm Thị	Tuyển	20/11/1991	8,3	Giỏi	746
267	Nguyễn Lê Thanh	Tuyển	16/11/1995	7,5	Khá	747
268	Nguyễn Thị Thanh	Tuyệt	23/03/1995	7,4	Khá	749
269	Tường Thị	Tuyệt	17/04/1995	7,5	Khá	750
270	Giáp Thị	Tuyệt	20/03/1995	7,7	Khá	751
271	Lê Thị	Tuyệt	20/03/1995	7,5	Khá	757
272	Trần Thị Thanh	Vân	15/12/1995	7,5	Khá	779
273	Nguyễn Thị Ái	Vân	28/01/1995	7,5	Khá	774
274	Trần Thị Thúy	Vân	10/05/1994	7,5	Khá	777
275	Nguyễn Thị Thùy	Vân	05/02/1993	7,3	Khá	768
276	Nguyễn Thị	Vân	29/10/1995	7,2	Khá	773
277	Nguyễn Thị Tường	Vi	26/06/1995	6,8	Trung bình khá	782
278	Nguyễn Thị Tường	Vi	20/08/1995	7,0	Khá	787
279	Nguyễn Thị	Vi	27/02/1995	6,9	Trung bình khá	786
280	Ngô Thị	Vi	04/09/1995	6,6	Trung bình khá	784
281	Ngô Thị Tường	Vi	14/04/1994	7,4	Khá	783
282	Trần Thục	Vy	16/07/1995	7,3	Khá	807
283	Phạm Thị Tường	Vy	17/10/1995	7,5	Khá	804
284	Hồ Thị Hoài	Vy	30/10/1995	7,2	Khá	796
285	Hoàng Thị Tường	Vy	01/11/1994	7,2	Khá	797
286	Phạm Thị	Vy	03/01/1995	8,0	Giỏi	806
287	Nguyễn Thị	Vy	13/03/1991	7,4	Khá	801
288	Lê Thị Như	Ý	26/10/1993	7,3	Khá	812
289	Đỗ Lê Hàn	Ý	01/11/1995	7,2	Khá	814
290	Lê Thị	Yến	25/05/1994	7,1	Khá	827

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số./...- ngày ../../..
291	Lê Thị Ngọc Yên	15/04/1995	7,0	Khá	825
292	Nguyễn Thị Kim Yên	01/08/1995	7,4	Khá	829
293	Tiêu Thị Yên	10/02/1995	7,4	Khá	819
294	Trần Thị Thu Yên	24/09/1995	6,4	Trung bình khá	828

Ấn định danh sách này có 294 (hai trăm chín tư) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

- 08 xếp loại Giỏi
- 221 xếp loại Khá
- 65 xếp loại Trung bình khá ✓

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

